

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 168/2021/HS-ST

Ngày 17 tháng 9 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn.
2. Ông Nguyễn Văn Bằng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Tống Lan H – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Vi Xuân Vượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 158/2021/HSST ngày 27 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2021/QĐXXST-HS ngày 01/9/2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 720/TB-TA ngày 15/9/2021 đối với bị cáo: Lại Văn K, sinh năm 2000; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Việt H, xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu, tỉnh NA; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 9/12; Con ông Lại Văn KH, sinh năm 1976 và bà Trần Thị Lựu, sinh năm 1980; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại quyết định số 107 ngày 26/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BN, tỉnh BN khởi tố về tội cướp tài sản.

- Bị cáo bị tạm giam theo Quyết định tạm giam của TAND tỉnh BN, trong vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BN, tỉnh BN khởi tố.

(Có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:** Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Phòng số 03, ngách 22, ngõ 338, đường Xương Giang, phường Ngô Quyền, thành phố B, tỉnh B.

(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1984
Địa chỉ: Số nhà 12, đường Hải Triều, phường Quán Toan, quận H Bàng, thành phố HP.
(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12 năm 2020, Lại Văn K, sinh năm 2000, trú tại thôn Việt H, xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu, tỉnh NA đến thuê trọ tại phòng trọ số 3 thuộc dãy phòng trọ của bà Nguyễn Thị H sinh năm 1965 ở ngách 22, ngõ 338, đường Xương Giang, phường Ngô Quyền, thành phố B, tỉnh B, mục đích để tìm việc làm. Đến ngày 25/02/2021, K trả phòng trọ chuyển đến thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ Hoa Sen, địa chỉ số 500, đường Xương Giang, phường Xương Giang, thành phố B. Khoảng 19 giờ ngày 07/3/2021, K đi bộ từ nhà nghỉ Hoa Sen về dãy phòng trọ cũ để lấy một số đồ cá nhân còn sót lại. Khi đi qua phòng trọ số 2 của chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992, hộ khẩu thường trú: phố Gia Lâm, thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh B, K thấy cổng phòng trọ đóng, nhìn qua cổng vào trong thấy cửa chính mở, đèn sáng nhưng không thấy ai trong phòng nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. K đi tiếp đến phòng trọ số 3, trèo qua cổng vào trong hành lang sau đó đi đến tường ngăn giữa hai phòng. Tại đây, K nhặt được 01 đoạn dây cao su dưới đất rồi trèo qua tường ngăn sang phòng trọ số 2 của chị H. Tại hành lang phòng trọ của chị H, K nhìn thấy chiếc khẩu trang y tế màu xanh để tại cửa sổ thì lấy đeo vào để tránh bị phát hiện. Sau đó K đi vào phòng tìm tài sản để trộm cắp. Lúc này chị H ngồi trên gác xép phát hiện hô lên. Thấy vậy, K lấy 01 con dao nhọn để ở bếp rồi đi lên gác xép thì chị H nhận ra K và nói “ai cho em vào đây, ra khỏi phòng chị ngay”. Nghe thấy chị H nói vậy, K tiến đến, tay phải cầm dao, tay trái cầm đoạn dây cao su đẩy chị H ngồi xuống đệm. K nói “Em không hại chị, chị có tiền thì đưa ra”. Do sợ hãi, chị H lấy ví rút ra 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng đưa ra. K cầm tiền và tiếp tục yêu cầu chị H đưa chiếc điện thoại Iphone 8 plus màu đen chị H đang cầm trên tay. Chị H nói “điện thoại chị phục vụ công việc nên không đưa được”. Sợ K không đồng ý, chị H tự lấy 01 chiếc dây chuyền vàng tây loại 10K và 01 chiếc nhẫn đeo tay vàng tây loại 10K để trong 02 chiếc hộp gỗ màu nâu có nắp màu đỏ đưa cho K. K cầm lấy cất vào túi áo khoác bên trái rồi tiếp tục dùng dao đe dọa và nói “chị đưa cho em chiếc điện thoại, em sẽ không làm gì chị cả”. Chị H sợ quá đã đưa điện thoại và đọc mật khẩu điện thoại theo yêu cầu của K. Sau khi mở được điện thoại, K rút đoạn dây cao su xuống đệm, cầm dao đi xuống gác xép ra cửa chốt ngoài và dùng chiếc khóa có sẵn ở đó khóa lại. K vứt lại con dao nhọn tại hành lang phòng trọ rồi trèo tường ra ngoài. Sau đó, K đi bộ qua ngõ 338 đường

Xương Giang đến bến xe KHch B, thuê 01 xe taxi đi về nhà nghỉ Hoa Sen để lấy đồ đạc rồi đi đến một cửa hàng bán vàng trong thành phố B (K không nhớ tên, địa chỉ của cửa hàng và cũng không xác định được đường đi đến cửa hàng đó). Tại đây, K đã bán 01 dây chuyền và 01 nhẫn đeo tay vừa chiếm đoạt của chị H được số tiền 4.200.000 đồng. Bán vàng xong, K đi xe taxi về khu vực Cầu 18 ở thành phố BN sau đó đi xe KHch về thành phố Hà Nội và thuê nhà nghỉ gần khu vực bến xe Nước Ngầm. Sáng ngày 08/3/2021, K đi xe KHch đến thành phố HP tìm việc làm tại khu vực chợ đầu mối phường Quán Toan, quận H Bàng, thành phố HP và ở tại đó. Đến ngày 21/3/2021, K đến cửa hàng điện thoại “Minh Trí Mobile” của anh Lê Văn T, sinh năm 1984 ở số nhà 12, đường Hải Triều, phường Quán Toan, quận H Bàng, thành phố HP bán chiếc điện thoại Iphone 8 plus cho anh T được số tiền 5.500.000 đồng. K sử dụng số tiền đó để mua 01 chiếc điện thoại iphone 6 plus, màu bạc, đã qua sử dụng tại cửa hàng của anh T hết số tiền 2.800.000 đồng. Toàn bộ số tiền và tiền bán tài sản cướp của chị H còn lại K đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 07/3/2021, chị Nguyễn Thị Thu H có đơn trình báo Công an thành phố B (bút lục 45). Cơ quan điều tra đã KHM nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng bao gồm: 01 con dao nhọn dạng dao bầu có một đầu nhọn, dài 35,5cm, chuôi dao bằng gỗ hình trụ tròn dài 13,5cm, lưỡi dao dài 22cm, bản rộng 6,1cm; 01 đoạn dây cao su dài 1,45 m, 02 hộp đựng trang sức làm bằng gỗ màu nâu, có nắp màu đỏ, kích thước lần lượt là (6,5x4x6)cm và (10x7x3,5)cm.

Đến ngày 26/3/2021, Lại Văn K bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BN, tỉnh BN bắt tạm giam về hành vi cướp tài sản xảy ra ngày 21/02/2021 tại khu Phúc Toại, phường Phúc Xuyên, thành phố BN, tỉnh BN. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BN, tỉnh BN đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B phối hợp điều tra theo quy định.

Ngày 26/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tạm giữ của Lại Văn K 01 chiếc điện thoại iphone 6 plus, màu bạc, đã qua sử dụng.

Ngày 25/6/2021, Cơ quan điều tra đã cho chị Nguyễn Thị Thu H nhận dạng qua ảnh, kết quả: chị H nhận ra K là người cướp tài sản của chị H ngày 07/3/2021.

Tại Kết luận định giá số 99/KL-HĐĐG ngày 17/6/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: “ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus 64GB, màu đen, mua cũ năm 2019, đã qua sử dụng, có giá trị tại thời điểm ngày 07/3/2021 là 6.000.000 đồng; 01 dây chuyền vàng Tây loại 10K, 03 chỉ, mua năm 2016, đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm ngày 07/3/2021 là 6.000.000 đồng; 01 nhẫn vàng Tây loại 10K, 0,5 chỉ, mua năm 2016, đã qua sử dụng có giá trị tại thời điểm ngày 07/3/2021 là 1.000.000 đồng”.

Ngày 02/7/2021, Cơ quan điều tra đã xác định lại hiện trường, thực nghiệm điều tra vụ án, kết quả Lại Văn K đã xác định được vị trí và thực hiện lại

thuần thực hành vi cướp tài sản tại phòng trọ chị H như đã khai nhận tại Cơ quan điều tra.

Ngày 20/7/2021, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác định hiện trường của hàng Lại Văn K đã bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus 64GB, màu đen đã qua sử dụng cướp được của chị H ngày 07/3/2021, kết quả K đã xác định được cửa hàng của anh Lê Văn T. Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã cho anh Lê Văn T nhận dạng qua ảnh, kết quả anh T nhận ra K là người đã bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus 64GB, màu đen đã qua sử dụng và mua chiếc điện thoại iphone 6 plus, màu bạc, đã qua sử dụng với giá 2.800.000 đồng ngày 21/3/2021. Anh T khai sau khi mua chiếc điện thoại do K đem bán, anh T đã bán lại cho KHch không quen biết nên Cơ quan điều tra không thu hỏi được. Anh T còn khai khi mua điện thoại không biết đó là do K phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hành vi tiêu thụ tài sản do người KHc phạm tội mà có.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Thu H đề nghị Lại Văn K bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 con dao có một đầu nhọn dài 33,5cm, có gắn chuôi gỗ hình trụ tròn dài 13,5 m, phần lưỡi dao dài 22 cm, bản rộng 6,1 cm, cũ đã qua sử dụng ; 01 đoạn dây cao su dài 145 cm, một đầu màu đen, một đầu màu bọc lớp vải màu đỏ, cũ đã qua sử dụng; 02 hộp gỗ màu nâu, nắp màu đỏ ký hiệu chữ hán nôm, kích thước lần lượt là (6,5×4×6)cm và (10×7×3,5) cm; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu bạc, cũ đã qua sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra, Lại Văn K đã khai nhận hành vi như nêu trên.

Tại Cáo trạng số 158/CT-VKS ngày 26/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Lại Văn K về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng có lời khai trong hồ sơ với nội dung như nêu trên.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Lại Văn K phạm tội “Cướp tài sản”

2. Hình phạt: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lại Văn K từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

3. Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây cao su dài 145 cm, một đầu màu đen, một đầu màu bọc lớp vải màu đỏ, cũ đã qua sử dụng

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H 01 con dao có một đầu nhọn dài 33,5cm, có gắn chuôi gỗ hình trụ tròn dài 13,5 m, phần lưỡi dao dài 22 cm, bản rộng 6,1 cm, cũ đã qua sử dụng và 02 hộp gỗ màu nâu, nắp màu đỏ ký hiệu chữ hán nôm, kích thước lần lượt là (6,5×4×6)cm và (10×7×3,5) cm.

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu bạc, cũ đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu H 14.000.000 đồng.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định.

6. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, cảm thấy rất hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, tuy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ nên căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu KHc có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ ngày 07/3/2021, tại phòng trọ số 2, ngách 22, ngõ 338, đường Xương Giang, phường Ngô Quyền, thành phố B, tỉnh B, Lại Văn K đã có hành vi dùng 01 con dao nhọn dạng dao bầu có một đầu nhọn, dài 35,5cm, chuôi dao bằng gỗ hình trụ tròn dài 13,5cm, lưỡi dao dài 22cm, bản rộng 6,1cm đe dọa

dùng vũ lực ngay tức khắc, chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1992, hộ khẩu thường trú: phố Gia Lâm, thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh B gồm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus 64GB, màu đen trị giá 6.000.000 đồng; 01 dây chuyền vàng Tây trị giá 6.000.000 đồng; 01 nhẫn vàng Tây trị giá 1.000.000 đồng và số tiền 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 14.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản" quy định điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, việc bị cáo dùng hung khí là 01 con dao nhọn dạng dao bầu đe dọa và cướp tài sản của bị hại không những làm nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của bị hại, mà còn trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa pH, bị dư luận và quần chúng nhân dân lên án. Bị cáo chỉ vì mục đích, nhu cầu, lợi ích cá nhân, đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, do vậy, cần xử nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[5] Về nhân thân: Trước khi bị xét xử hôm nay, bị cáo có nhân thân xấu, bị tạm giam trong vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BN, tỉnh BN khởi tố giải quyết.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra, bị cáo khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc ổn định, kinh tế khó khăn, nên miễn hình phạt bổ sung để bị cáo yên tâm cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[10] Về vật chứng:

- 01 con dao có một đầu nhọn dài 33,5cm, có gắn chuôi gỗ hình trụ tròn dài 13,5 m, phần lưỡi dao dài 22 cm, bản rộng 6,1 cm, cũ đã qua sử dụng ; 02 hộp gỗ màu nâu, nắp màu đỏ ký hiệu chữ hán nôm, kích thước lần lượt là (6,5×4×6)cm và (10×7×3,5) cm là tài sản của chị H nên cần trả lại cho chị H.

- 01 đoạn dây cao su dài 145 cm, một đầu màu đen, một đầu bọc lớp vải màu đỏ, cũ đã qua sử dụng là công cụ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu bạc, cũ đã qua sử dụng là của bị cáo mua của anh T nên trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Thị Thu H đề nghị Lại Văn K bồi thường theo quy định của pháp luật, giá trị tài sản bị cáo cướp của bị hại tính thành tiền là 14.000.000 đồng, cần buộc bị cáo có nghĩa vụ trả cho bị hại số tiền 14.000.000 đồng.

[12] Những vấn đề KHC có liên quan trong vụ án:

- Đối với anh Lê Văn T là chủ cửa hàng điện thoại “Minh Trí Mobile”, nơi bị cáo đã bán chiếc điện thoại Iphone 8 plus và mua 01 chiếc điện thoại iphone 6 plus, màu bạc đã qua sử dụng; việc mua bán này anh Tảng không biết nguồn gốc của chiếc điện thoại bị cáo đã bán cho anh T. Nay không ai có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lại Văn K phạm tội “Cướp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lại Văn K 08 năm tù , thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây cao su dài 145 cm, một đầu màu đen, một đầu bọc lớp vải màu đỏ, cũ đã qua sử dụng.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H 01 con dao có một đầu nhọn dài 33,5cm, có gắn chuôi gỗ hình trụ tròn dài 13,5 m, phần lưỡi dao dài 22 cm, bản rộng 6,1 cm, cũ đã qua sử dụng và 02 hộp gỗ màu nâu, nắp màu đỏ ký hiệu chữ hán nôm, kích thước lần lượt là (6,5×4×6)cm và (10×7×3,5) cm.

- Trả lại cho bị cáo K 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu bạc, cũ đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu H 14.000.000 đồng.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền KHng cáo: Bị cáo có mặt có quyền KHng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền KHng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

8. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh T

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN